

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH YÊN
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 THANH YÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN – 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH YÊN
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 THANH YÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Phương Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Hoàng Thị Hà	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Tòng Thị Hương	Tổ phó chuyên môn	Thư kí hội đồng	
4	Cà Thị Hương	CT Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
5	Đinh Thị Hồng Phượng	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
6	Cà Thị Hường	Tổ phó chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
7	Hoàng Thị Dung	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Lường Thị Thu	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Bé Thị Trong	ĐTNCSHCM	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu:	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Tuyên sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	41
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	43
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	44
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	46
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	50
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	53
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	54
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ	56

chức cá nhân của nhà trường	
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	59
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	60
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	62
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	64
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	67
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	68
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	
Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và đào tạo.	
Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp...	
Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi ...	
Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố...	
Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	
Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	69
Kết luận tiêu chí mức 4	70
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
2	CBQL	Cán bộ Quản lý
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSGD	Chăm sóc giáo dục
5	GDMN	Giáo dục mầm non
6	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
7	GVMN	Giáo viên mầm non
8	HĐ	Hội đồng
9	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
10	QĐ-UBND	Quyết định- Ủy ban nhân dân
11	UBND	Ủy ban nhân dân
12	XHH GD	Xã hội hoá giáo dục
13	MN	Mầm non
14	TH	Tiểu học
15	THCS	Trung học cơ sở
16	THPT	Trung học phổ thông

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc không đạt)

1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 22 tiêu chí)

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí)

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí)

2. Kết luận: Trường đạt chuẩn mức độ 3

2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2		x	

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: đạt 03/06 tiêu chí.

3. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường mầm non số 2 Thanh Yên.

Tên trước đây: Trường mầm non số 2 xã Thanh Yên.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Điện Biên	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Phương Lan
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố		Điện thoại	0982645168
Xã/Phường/Thị trấn	xã Thanh Yên	Fax	
Đạt CQG	Đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2	Website	https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnso2thanhyen
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/5/2007	Số điểm trường	0
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Nhóm trẻ từ 13-24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25-36 tháng tuổi	3	3	3	3	3
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	2	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	3	2	2	2
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	3	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi	0	0	0	0	0
Lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi	0	0	0	0	0
Lớp mẫu giáo ghép 3- 4-5 tuổi	0	0	0	0	0
Cộng	10	10	9	9	9

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	10	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	10	10	9	9	9	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học	3	3	4	4	4	

	tập						
1	Phòng kiên cố	1	1	2	2	2	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	8	8	8	8	8	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	3	3	3	3	3	
	Cộng	25	25	25	25	25	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Giáo viên	19	19	10	0	1	18	
Nhân viên	2	1	0	1	1	0	
Cộng	23	22	10	1	1	21	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số giáo viên	19	20	20	19	19
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	11,3	13,5	13,2	9,14	10,0
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	16,5	13,3	13,3	12,7	12,0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	4	7	7	6	6
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	1	1	1	1	1
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

3. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	287	283	256	241	216	214
	- Nữ	146	146	126	117	106	107
	- Dân tộc thiểu số	231	220	191	184	78	163
2	Đối tượng chính sách	95	71	52	46	45	63
3	Khuyết tật	0	0	0	0	2	2

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
4	Tuyển mới	78	69	60	50	46	44
5	Học 2 buổi/ngày	287	283	256	241	216	214
6	Bán trú	287	283	256	241	216	214
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	30,9	30,6	26,8	26,7	25,3	24,0
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	23,7	23	22,7	21,3	21,3	23,3
9	Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	0
	Trẻ em từ 25-36 tháng tuổi	71	69	68	60	64	70
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	60	66	54	57	46	41
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	84	62	69	50	58	45
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	72	86	65	70	48	58
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0	0

5. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non số 2 Thanh Yên thành lập vào ngày 31/5/2007. Trường có tổng diện tích đất 2881,3m². Trường xây dựng gồm 9 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác CSGD trẻ theo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp, có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo diện tích, có đủ các phòng chức năng theo quy định và đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trải qua 19 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 trường đạt tập thể lao động tiên tiến được UBND huyện tặng giấy khen, Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên tặng Giấy khen. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục hoàn thành tốt và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Với sự nỗ lực và cố gắng không ngừng của nhà trường, ngày 17/06/2022 nhà trường đã được UBND tỉnh Điện Biên ra quyết định số 350/QĐ-SGD&ĐT công nhận trường mầm non số 2 Thanh Yên đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ theo Điều lệ Trường Mầm non, có phẩm chất đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động CSGD trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp 17/19 đạt 89,4%. Qua các đợt kiểm tra của Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn đạt giỏi. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng CSGD không ngừng được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, cha mẹ trẻ em xây dựng và phát triển nhà trường nâng cao chất lượng CSGD trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ

đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng CSGD trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CBQL, GV, NV về công tác CSGD trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể CBQL, GV, NV xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và thông tư số 19/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể CBQL, GV, NV của nhà trường. Thành lập HĐ tự đánh giá bao gồm: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, đại diện các đoàn thể, giáo viên, thư ký HĐ là những giáo viên có kinh nghiệm. HĐ tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. HĐ tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập HĐ tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá

trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. HĐ tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như: máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018. Kết quả tự đánh giá trường mầm non số 2 Thanh Yên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường Mầm non số 2 Thanh Yên có cơ cấu, tổ chức bộ máy đúng quy định của Điều lệ Trường Mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và hoạt động có hiệu quả; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Nhà trường thực hiện tốt công tác Phổ cập GDMN, huy động trẻ trong độ tuổi đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn và kế hoạch phát triển nhà trường theo năm học phù hợp với mục tiêu GDMN và các nguồn lực của nhà trường, định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng CSGD. Giáo viên căn cứ vào kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng CSGD của nhóm/lớp theo tiêu chí giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường phân công

nhệm vụ cho CBQL, GV, NV theo đúng vị trí việc làm và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của CBQL, GV, NV đúng quy định. Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng chống xâm hại tình dục trẻ và phòng chống bạo lực học đường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐ trường (HĐ quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch chỉ đạo năm học, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp và chỉ tiêu kế hoạch được giao, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và được UBND xã Thanh Yên phê duyệt để triển khai, thực hiện hiệu quả [H1-1.1-01].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn và theo từng năm học tới toàn thể CBQL, GV, NV trong hội nghị cán bộ, công chức,

viên chức đầu năm học và được niêm yết trên bảng tin công khai [1.1-03], được đăng tải trên trang thông tin điện tử Website: <https://mnso2thanhyen.huyendienbien.edu.vn> để CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-04].

Mức 2

Hàng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như Hội đồng trường thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường, nhà trẻ trong từng giai đoạn và từng năm học, về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường CBQL, GV, NV thông qua Hội nghị công nhân viên chức đầu năm, cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp phụ huynh học sinh [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường, được UBND xã phê duyệt và niêm yết công khai, đăng tải trên Website, bảng tin của nhà trường. Hàng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và thống nhất xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường đã đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, theo năm học hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng của thôn/bản để	CBQL; Trưởng các thôn/bản	Bảng thông báo; Trang thông tin điện tử của trường.	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
đạt hiệu quả cao hơn				
Nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động giám sát định kỳ, thường xuyên thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường theo từng năm học.	Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch phát triển nhà trường	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

Mức 1:

Hội đồng nhà trường được thành lập theo quyết định số: 2860/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND huyện Điện Biên gồm 9 thành viên [H1-1.1-05]. Các Hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định gồm: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; Hội đồng đánh giá phạm vi ảnh hưởng hiệu quả áp dụng sáng kiến cấp trường [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-03]; Hội đồng tư vấn [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hội đồng trường thực hiện quyết nghị về mục tiêu, kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học; quyết nghị quy chế tổ chức và các hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về chủ chương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.1-05]. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua [H1-1.2-01]. Hội đồng đánh giá phạm vi ảnh hưởng hiệu quả áp dụng sáng kiến cấp trường giúp hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của giáo viên [H1-1.2-02]. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp hiệu trưởng đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên [H1-1.2-03]. Hội đồng tư vấn giúp hiệu trưởng tư vấn nâng cao chất lượng trong nhà trường [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung các hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa

phương [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng hoạt động có hiệu quả thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hội đồng trường và các hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả việc đánh giá, đề xuất ý kiến góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường.	Hội đồng trường và các hội đồng khác	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Năm học 2025 -2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 14 đoàn viên trong đó có. 01 Bí thư đoàn (Bé Thị Trong), 01 phó bí thư và 01 ủy viên [H1-1.3-01].

Hàng năm tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H1-1.3-01].

Hàng năm các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư, ủy viên và 19 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-03]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Thanh Yên đánh giá 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: Đoàn Thanh niên Trường Mầm non số 2 Thanh Yên, thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện đổi mới phương pháp CSGD trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm của trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi... [H1-1.2-05].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường được đánh giá 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (2022), 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Đảng ủy xã Thanh Yên tặng giấy khen [H1-1.3-04].

Các đoàn thể, tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng mang lại kết quả cao trong quá trình hoạt động như: Các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hằng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 05 năm liên tiếp có 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Đảng ủy xã Thanh Yên tặng giấy khen.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định.	Chi bộ trường MN số 2 Thanh Yên, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Các quyết định thành lập.	Trong năm học 2025 - 2026, trong nhiệm kỳ.	Không
Tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ Đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định, các đoàn thể và các tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ trường MN số 2, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học, nhiệm kỳ	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường có 01 Hiệu trưởng; 01 Phó hiệu trưởng đảm bảo theo Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT và 20/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn (01 tổ Mẫu bé - nhà trẻ với 11 thành viên, 01 tổ mẫu giáo lớn - nhỡ với 10 thành viên) 01 tổ văn phòng gồm có 03 thành viên. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có tổ trưởng và tổ phó theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-03].

Hằng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá viên chức; tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng, tổ văn phòng sinh hoạt 1 lần/tháng đảm bảo theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hằng năm căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn như: Chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”... Các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.[H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn theo năm học và theo tháng, sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng, đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn có hiệu quả, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và cập nhật đúng tiến độ theo kế hoạch; tổ văn phòng tổ chức theo đúng kế hoạch, định kỳ sinh hoạt bồi dưỡng chuyên môn 1 lần/tháng, phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của nhà trường [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng phù hợp cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội. Thực hiện sinh hoạt chuyên đề tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-04].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề, chuyên môn theo kế hoạch phù hợp với nhiệm vụ và chuyên đề giáo dục trọng tâm theo từng năm học như: Xây dựng Trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” chuyên đề dinh dưỡng... góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng. Có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tổ chuyên môn định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng, tổ văn phòng sinh hoạt 1 lần/tháng đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, GV.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong các hoạt động				
Các tổ chuyên môn chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất nội dung sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, văn phòng.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Tham mưu với các cấp đề nghị bổ xung phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định.	Hiệu trưởng	Tờ trình	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường tổ chức tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp Theo Điều 5 trong Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Nghị định

Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.5-01].

Trong các năm học qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, được phân chia theo độ tuổi theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Năm học 2025-2026, nhà trường có 9 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non trong đó: Có 3 nhóm trẻ 24 - 36 tháng với 70 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 41 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 45 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 58 trẻ [H1-1.5-02]. Năm học 2025-2026 có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập tại lớp mẫu giáo 4-5 tuổi A [H1-1.5-03].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Mức 2

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi. Năm học 2025-2026 nhà trường có 9 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 214 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 70 học sinh, 02 lớp mẫu giáo bé với 41 học sinh, 02 lớp mẫu giáo nhỡ với 45 học sinh, 02 lớp mẫu giáo lớn với 58 học sinh đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non không có nhóm trẻ, lớp mẫu giáo nào vượt quá quy định [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học nhà trường luôn thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập và công tác tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo đúng quy định. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp hàng năm đối với MG đạt 100%; Riêng nhà trẻ tỷ lệ huy động đạt trên 50%.

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp MG được sắp xếp, phân chia vào các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi và đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường phân chia vào các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi đủ số trẻ theo quy định. Nhà trường huy động tỷ lệ trẻ đến trường đảm bảo theo kế hoạch giao. 100% trẻ đến trường đều được tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch giao tuyển sinh, hồ sơ quản lý trẻ	Trong các năm học	Không

đến dưới 36 tháng tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định.		em.		
--	--	-----	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-02]; Hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2024-2025 [H1-1.1-02];]; Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.6-02]; Hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.5-01]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [1.6-03]; Hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-04]

Hằng năm nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản được công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo, tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành [H1-1.6-05].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục [1.6-03].

Mức 2

Trong các năm học nhà trường ứng dụng có hiệu quả CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường như: Phần mềm phổ cập; phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia ; phần mềm quản lý tài sản-kế toán hành chính sự nghiệp Misa, phần mềm dịch vụ công [1.6-06].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.2-05].

Mức 3

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật như: Kế hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường theo giai đoạn và theo năm học, kế hoạch vận động tài trợ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-07];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định Điều lệ Trường Mầm non và được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Thông tư số 10/2022/TT-BNV. Hằng năm nhà trường đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong những năm qua nhà trường chỉ đạo ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Có đầy đủ kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để xây dựng và phát triển nhà trường hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục	CBQL, kế toán, tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Hàng năm xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, tổ chức	Hiệu trưởng	Không	Năm học 2025-2026 và các năm	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
khác, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác XHHGD nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ trong nhà trường.			tiếp theo	
Tiếp tục xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.	Hiệu trưởng	Kế hoạch trung hạn, dài hạn	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV;

b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên và nhân viên [H1-1.4-04].

Hàng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

Hàng năm cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền: Tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần; Được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật;

Được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập, bồi dưỡng; Được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [1.7-02]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như: Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng người; Tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV theo học các lớp nâng cao trình độ. Nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, năng lực của từng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho đội ngũ CBQL, giáo viên theo hướng nghiên cứu bài học tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên nhà trường.	CBQL, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn tổ chuyên môn.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên tập trung nâng cao năng lực đội nhân viên nhà trường.	CBQL, tổ trưởng văn phòng, nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn tổ văn phòng.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng đội ngũ cốt cán giúp đỡ các giáo viên còn hạn chế.	Hiệu trưởng	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV, NV theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Điều lệ trường mầm non, Các văn bản quy định chế độ chính sách cho CBQL, GV, NV.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng kế hoạch chương trình giáo dục nhà trường, năm học 2025-2026 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư 51/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương để xây dựng [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.6-02].

Từ năm học 2021-2022 đến nay xây dựng chương trình nhà trường và thực

hiện thẩm định đánh giá chương trình nhà trường theo năm học để kịp thời điều chỉnh, rà soát, đánh giá bổ sung và phát triển chương trình trong những năm kế tiếp [H1-1.8-01]; [H1-1.1-05].

Mức 2

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp. Xác định nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học, đề ra được các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và thường xuyên được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Hàng năm nhà trường có nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc giáo dục trẻ của đội ngũ nhà giáo	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Thực hiện phát triển chương trình phù hợp với điều kiện địa phương: Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, xây dựng chương trình phù hợp với địa phương.	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em.	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, kịp thời tư vấn, thúc đẩy việc	CBQL, tổ trưởng chuyên	Phương hướng chiến lược phát triển nhà	Năm học 2025-2026 và	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	môn, giáo viên cốt cán	trường. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức đầu năm học như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, các quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-06].

Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.2-05].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2:

Hội đồng trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản,

các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa giáo dục một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL	Quy chế dân chủ. Bảng công khai.	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Hội đồng trường thực hiện đúng nhiệm vụ trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Hội đồng trường	Quy chế hoạt động của hội đồng trường, Quy chế dân chủ.	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Nhân dân trên địa bàn phát huy vai trò của mình trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Nhân dân trên địa bàn	Quy chế dân chủ	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an

toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Phương án an toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn [H1-1.10-05]; Phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; Phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường tổ chức bữa ăn cho trẻ và đã ký bản cam kết đảm bảo VSATTP với Chi cục VSATTP và UBND xã [H1-1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CBQL, GV, NV, phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-05].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; Phương án an toàn phòng chống tai nạn thương tích; Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; Phương án an toàn phòng,

chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng, chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường [1.10-10].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Có hộp thư góp ý và đường dây nóng để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỷ thi, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.	CBQL. Nhân viên y tế	Mời công an xã, y tế xã	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	
Xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học	CBQL, bảo vệ	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng phương án đảm bảo an toàn trường học	CBQL	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, cứu nạn cứu hộ.	CBQL	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm.	CBQL	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Giao nhiệm vụ cụ thể cho bảo vệ tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, giáo viên chủ nhiệm các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ	Hiệu trưởng	Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Mua sắm bổ sung các thiết bị phòng cháy, chữa cháy	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC	Tờ trình xin cấp bổ xung các thiết bị phòng cháy, chữa cháy	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	4.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non; có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kì rà soát đánh giá, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hàng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; Làm tốt công tác quản lý tài chính, hằng năm lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các

quy định hiện hành. Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định của Bộ giáo dục, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng CSGD trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng GD&ĐT, thực hiện công khai, minh bạch các nội dung và hoạt động của nhà trường theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo duy trì ổn định qua các năm. Trong những năm qua không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, nhà trường đều được đánh giá đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 0 tiêu chí*

Tiêu chuẩn 2: CBQL, GV, NV

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng CNTT tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ CBQL, GV, NV thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hằng năm CBQL được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hằng năm công bằng, khách quan và sát thực. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có CBQL, GV, NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Hiệu trưởng, 01 phó Hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.4-01]; Hiệu trưởng (Nguyễn Thị Phương Lan) có thời gian công tác liên tục trong GDMN là 21 năm; phó Hiệu trưởng (Hoàng Thị Hà) có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 19 năm [H2-2.1-01]; Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.1-02]; có đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-03].

Hàng năm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt từ khá trở lên: Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng 02 năm xếp loại tốt, 03 năm xếp loại khá; phó Hiệu trưởng có 05 năm xếp loại tốt [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn hê, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-06], [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, phó Hiệu Trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng xếp loại ở mức khá trở theo chuẩn Hiệu trưởng Trường Mầm non [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-02]; trong quá trình công tác luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ trở lên, được lãnh

đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-05].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng được đánh giá 02 năm xếp loại tốt, 03 năm xếp loại khá; phó Hiệu trưởng được đánh giá 05 năm xếp loại tốt theo chuẩn Hiệu trưởng Trường Mầm non [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng từ mức khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
CBQL nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và năng lực quản lý, phấn đấu được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.	Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định cụ thể: Năm học 2025-2026 nhà trường có tổng số 19 giáo viên/9 nhóm, lớp tỷ lệ 2,1 giáo viên/nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.7-02].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá từ mức khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, cụ thể: Năm học 2020-2021: mức tốt 9/19 đạt 47,3%, mức khá 10/19 đạt 52,7%; năm học 2021-2022: mức tốt 11/18 đạt 61,1%, mức khá 7/18 đạt 38,9%; năm học 2022-2023: mức tốt 10/20 đạt 50%, khá 10/20 đạt 50%; năm học 2023-2024 mức tốt 9/20 đạt 45%, khá 11/20 đạt 55%; năm học 2024-2025 mức tốt 10/19 đạt 52,6%, khá 9/19 đạt 47,4% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-03].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá từ mức khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, cụ thể: Năm

học 2020-2021: mức tốt 9/19 đạt 47,3%, mức khá 10/19 đạt 52,7%; năm học 2021-2022: mức tốt 11/18 đạt 61,1%, mức khá 7/18 đạt 38,9%; năm học 2022-2023: mức tốt 10/20 đạt 50%, khá 10/20 đạt 50%; năm học 2023-2024 mức tốt 9/20 đạt 45%, khá 11/20 đạt 55%; năm học 2024-2025 mức tốt 10/19 đạt 52,6%, khá 9/19 đạt 47,4% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ đạt trên chuẩn ở mức cao. Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên.	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8/10/2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;
- Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có nhân viên theo quy định gồm: 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế học đường kiêm nhiệm công tác văn thư, thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán (kiêm nhiệm), 04 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn (hiện tại trường đang bố trí 2 nhân viên là bảo vệ, y sỹ, kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp). Các nhân viên trong nhà trường đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Các nhân viên trong nhà trường được Hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế theo vị trí việc làm [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, tổ chức tốt công tác nấu ăn, chăm sóc sức khỏe cho trẻ và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm các nhân viên đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định: 01 nhân viên bảo vệ (hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022), 01 nhân viên y tế học đường kiêm nhiệm công tác văn thư, thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán (kiêm nhiệm); 04 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.7-02]; [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3

Các nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng trung cấp y sỹ Điện

Biên [H2-2.3-03]; nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nấu ăn [H2-2.3-04]; [H2-2.3-05]; nhân viên bảo vệ được tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và công tác phòng cháy, chữa cháy [H2-2.3-06].

Hàng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm: Nhân viên y tế được bồi dưỡng công tác y tế trường học và bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực; nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công, nhân viên bảo vệ đều được nhà trường bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ [H2-2.3-05], [H2-2.3-06].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo theo chuyên ngành, các nhân viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu:

Nhà trường đang bố trí nhân viên bảo vệ, y sỹ kiêm nhiệm công tác nấu ăn bán trú cho trẻ, do mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Thiếu nhân viên kế toán (đang là kế toán kiêm nhiệm).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên.	Phân công nhiệm vụ.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	CBQL, nhân viên y tế, nấu ăn.	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường có CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định, có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN từ 19 năm trở lên. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được xếp loại chuẩn Hiệu trưởng từ khá trở lên, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Trường có các nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

+ *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí*

+ *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí*

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường Mầm non số 2 Thanh Yên được xây dựng ở Thôn Hoàng Yên, xã Thanh Yên với diện tích đất 2881,3m², khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu trải nghiệm cho trẻ: Khu trải nghiệm khơi nguồn sáng tạo, vườn cổ tích, khu phát triển vận động sân chơi, các khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu. Có đủ các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ, phòng sinh hoạt chung, hiên chơi đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ, các khối phòng giáo dục nghệ thuật, khu giáo dục thể chất, văn phòng trường, phòng hành chính-quản trị, phòng Tin học. Nhà vệ sinh của giáo viên và trẻ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các Trường Mầm non và thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ

sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Nhà trường có bếp ăn gồm: Khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, kho bếp được phân chia khu để lương thực và khu để thực phẩm, thiết bị bảo quản thực phẩm, đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.

Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường Mầm non số 2 Thanh Yên được xây dựng ở Thôn Hoàng Yên xã Thanh Yên có hệ thống giao thông thuận lợi cho trẻ đến trường [3.1-01].

Trong 5 năm gần đây nhà trường có quy mô: Năm học 2021-2022 nhà trường có 10 nhóm/lớp với 283 trẻ em; năm học 2022-2023 nhà trường có 10 nhóm/lớp với 256 trẻ em; năm học 2023-2024 nhà trường có 9 nhóm/lớp với 236 trẻ em; năm học 2024-2025 nhà trường có 9 nhóm/lớp với 216 học sinh; năm học 2025-2026 nhà trường có 9 nhóm/lớp với 214 học sinh. Các lớp được phân chia theo độ tuổi với số trẻ không vượt quá quy định quy định tại điều lệ trường mầm non. Các lớp được tổ chức thành nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo đơn không có nhóm trẻ/ lớp ghép [H1-1.5-02].

Trường có tổng diện tích đất 2881,3m², trong đó tổng diện tích khu đất xây dựng 1.358m² (đạt 47%), diện tích sân vườn là 1.250,4m² cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục (trong đó diện tích sân chơi 844,2m², diện tích vườn 406,2m²) đảm bảo theo quy định [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường được đặt ở khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi cho phụ huynh đưa đón trẻ đến trường. Trường có quy mô 9 nhóm, lớp đảm bảo theo thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân đảm bảo theo quy định.

Trong 5 năm gần đây nhà trường có quy mô: Năm học 2021-2022 nhà trường có 10 nhóm/lớp với 283 trẻ em; năm học 2022-2023 nhà trường có 10

nhóm/lớp với 256 trẻ em; năm học 2023-2024 nhà trường có 9 nhóm/lớp với 236 trẻ em; năm học 2024-2025 nhà trường có 9 nhóm/lớp với 216 học sinh; năm học 2025-2026 nhà trường có 9 nhóm/lớp với 214 học sinh. Trường có tổng diện tích đất 2881,3m² bình quân 13,3m²/trẻ đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với UBND xã hằng năm cấp kinh phí cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp. Vận động tài trợ xã hội hoá giáo dục các nguồn lực.	CBQL, GV, NV	Tờ trình; Xây dựng kế hoạch; Thư ngỏ; Xây dựng dự toán kinh phí	Năm 2025	100.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn

cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo TT số 13/2020/TT-BGDĐT bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; 01 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; 01 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng Hiệu trưởng có diện tích 22m^2 , 01 phòng phó Hiệu trưởng có diện tích 22m^2 , văn phòng trường có diện tích 45m^2 , phòng nhân viên 13m^2 , phòng bảo vệ 9m^2 ; phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; 01 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo diện tích và có đủ trang thiết bị vệ sinh theo quy định; 01 khu để xe có mái che với tổng diện tích 65m^2 được bố trí an toàn, tiện lợi. Các phòng khối hành chính-quản trị được xây dựng kiên cố, có đủ trang thiết bị, máy vi tính và các phương tiện làm việc [3.2-01].

Nhà trường có 9 phòng sinh hoạt chung được xây dựng kiên cố đảm bảo mỗi nhóm, lớp có 1 phòng để tổ chức các hoạt động chơi, ăn, ngủ có diện tích trung bình $36,7\text{m}^2/\text{phòng}$ (trong đó mẫu giáo diện tích trung bình $44\text{m}^2/\text{phòng}$, nhóm trẻ diện tích trung bình $22\text{m}^2/\text{phòng}$) trung bình $1,4\text{m}^2/\text{trẻ}$. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất diện tích 72m^2 có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động (cổng chui nhựa, cổng chui sắt, ghế thể dục, bục thể dục, bộ khung bóng đá,...) để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất; 01 phòng âm nhạc với diện tích $57,3\text{ m}^2$ có các thiết bị gương, gióng múa, đàn, trang phục, dụng cụ âm nhạc, giá vẽ tạo hình, các vật liệu đảm bảo đầy đủ đạt chuẩn theo quy định để tổ chức cho trẻ các hoạt động nghệ thuật âm nhạc như múa, học đàn, biểu diễn văn nghệ, vẽ tranh, sáng tạo nghệ thuật; 01 phòng thư viện cho bé với diện tích 44 m^2 có đủ các thiết bị, sách, truyện cho trẻ hoạt động [3.2-02]. Khu vệ sinh được xây dựng ở khu vực thuận tiện gần với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, dễ quan sát, hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo vệ sinh, có vách ngăn cao $1,50\text{m}$ giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, có tiểu treo dùng cho trẻ em trai, có xí bệt dùng cho trẻ em gái. Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái [3.2-03]. Hiên chơi, đón trẻ em thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng có diện tích $211,5\text{m}^2$ đảm bảo $1\text{m}^2/\text{trẻ}$ và diện tích thông thủy là 2m , xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 01m [3.2-04]. Nhà trường có hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng kiên cố với diện tích là 85m^2 , có khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều. Hằng năm

bếp ăn được tôn tạo nâng cấp mua sắm bổ sung trang thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác tổ chức ăn bán trú của trường. Kho bếp của nhà trường được xây dựng kiên cố có diện tích $10m^2$, có khu để lương thực và khu để thực phẩm có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản tối thiểu trong 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.2-05]. Khối phụ trợ của nhà trường gồm 01 phòng họp sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính.... phục vụ cho tổ chức các hoạt động, phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu, các trang thiết bị và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có bảng theo dõi sức khỏe trẻ, kế hoạch công tác y tế tháng/năm, kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sơ đồ xử trí sốc phản vệ; có đầy đủ máy móc, thiết bị, tủ đựng hồ sơ sổ sách; 04 nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường được xây dựng bán kiên cố, 01 nhà kho bán kiên cố[3.2-06]; có sân vườn rộng rãi thoáng đãng với nhiều cây xanh, bãi cỏ không trơn trượt, mát mẻ thuận lợi để tổ chức các hoạt động vui chơi tập thể; cổng trường kiên cố có gắn biển tên trường, hàng rào vững chắc, an toàn [3.2-07].

Mức 2

Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo diện tích và các trang thiết bị theo đúng quy định của thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học bao gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó Hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; khu để xe có mái che [3.2-01].

09 nhóm, lớp của nhà trường đều phòng sinh hoạt chung của được xây dựng kiên cố đảm bảo diện tích mỗi phòng là $40m^2$. 3/3 nhóm trẻ đều có phòng ngủ với diện tích mỗi phòng là $19m^2$ /phòng. Có 01 phòng giáo dục thể chất diện tích $60m^2$, 01 phòng nghệ thuật diện tích $60m^2$, 01 phòng tin học, ngoại ngữ đều có diện tích $40m^2$ /phòng, 01 khu thư viện cho bé với diện tích $40m^2$, các phòng được xây dựng kiên cố và có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [3.2-02]. Các khu vệ sinh trung tâm và điểm trường được xây dựng ở khu vực thuận tiện gần với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, vị trí dễ quan sát, đảm bảo vệ sinh, có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Có hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, có vách ngăn cao 1,50m. Các khu vệ sinh đều có đủ số lượng tiêu treo hoặc máng xi măng,

xí bột đảm bảo số lượng và quy chuẩn theo quy định tại thông tư Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng đảm bảo đủ 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi [3.2-03]. Hiên chơi đảm bảo diện tích thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 01m [3.2-04]. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

9/9 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-08].

Mức 3

Các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, các lớp có hiên chơi phía trước và phía sau để trẻ tham gia các hoạt động thuận lợi, an toàn, các lớp có kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật của nhà trường đảm bảo theo thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có 01 phòng làm quen tin học, ngoại ngữ với các thiết bị phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ em. 01 khu thư viện cho bé với diện tích 40m² với nhiều tư liệu và trang thiết bị phong phú hỗ trợ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, có khu ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ trang thiết bị, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các phòng học có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD trẻ; có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học, 01 phòng thư viện đảm bảo diện

tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định. Nhà trường còn 01 phòng kho được xây dựng bán kiên cố.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn 01 phòng kho được xây dựng bán kiên cố

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch tu sửa nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các phòng ban. Tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT xây dựng kiên cố phòng kho của nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2025	200.000.000 đồng.
CBQL, GV, NV tuyên truyền vận động tài trợ các nguồn hỗ trợ trang cấp bổ sung các thiết bị dạy học cho các phòng học.	CBQL, GV, NV	Thư ngỏ Kế hoạch	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD.	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục kiên cố;

c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ nước giếng khoan và nguồn nước sạch đảm bảo điều kiện phục vụ ăn uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và trẻ. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT ngày 15/5/2016 của BGD&ĐT và Bộ y tế; có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác và xử lý rác hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [3.3-01]; [H3-3.3-02]; hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ các hoạt động của trường [3.3-03]; [H3-3.3-04]; hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành: Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 08/2018/TT-BCA, ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC, Thông tư số 150/2020/TT-BCA, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 [H3-3.3-05]. Trường có hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc đầy đủ với điện thoại và mạng internet phục vụ nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các hoạt động khác trong nhà trường [H3-3.3-06]; Khu thu gom rác thải của trường được bố trí hợp lý, cuối hướng gió thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường [3.3-01].

Khối phòng hành chính quản trị khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em khối phòng tổ chức ăn khối phụ trợ có hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 100% và cấp công trình xây dựng (sân vườn, đường nội bộ, hàng rào...) đạt cấp IV [3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-05]; [3.2-06].

9/9 nhóm, lớp có thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.3-08]. Hằng năm nhà trường lựa chọn đồ chơi, học liệu theo thông tư 47/2020/TT-BGDĐT, chỉ đạo các

nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phù hợp với các chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.2-08]; [3.3-07].

Mức 2

Các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, khối phòng tổ chức ăn khối phụ trợ được xây dựng kiên cố, và bán kiên cố mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ kiên cố đạt 85% [3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-05]; [3.2-06].

Mức 3

Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02]; khối phòng tổ chức ăn khối phụ trợ được xây dựng kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 85% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV [3.2-01]; [3.2-05]; [3.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 85% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường được bổ xung và được các cấp kiểm tra đánh giá hằng năm đảm bảo theo quy định, hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp trực tuyến... phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu: Nhà trường còn 01 văn phòng, 01 khu thể chất là bán kiên cố

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải phát huy điểm mạnh khắc phục điểm yếu	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí.	Trong năm 2026	100 triệu đồng

Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch tu sửa nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các phòng ban. Tiếp tục tham mưu với UBND xã XD kiên cố phòng thể chất, nhà kho, văn phòng của nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2026	800.000.000 đồng.
--	------	--	----------	-------------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường đặt tại khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi. Trường có quy mô 9 nhóm, học sinh được phân chia theo độ tuổi theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho trẻ vượt quy định. Có tường xây bao quanh trung tâm và điểm trường đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhà trường có hệ thống bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây xanh sạch đẹp dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Các khu vui chơi, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất với đủ đồ dùng đồ chơi và trang thiết bị theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, có nhiều đồ chơi tự tạo cho trẻ hoạt động tích cực hiệu quả.

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phụ trợ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT.

Các phòng sinh hoạt chung đảm bảo đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, có khu ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ trang thiết bị, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học; 01 phòng thư viện đảm bảo diện tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định.

Nhà trường có tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 85%, các cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp

trực tuyến....phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1:3/3*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2:3/3*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3:3/3*

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

“Giáo dục trẻ em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội, phải cùng nhau phụ trách”, làm theo lời Bác dạy, công tác XHH luôn được nhà trường chú trọng đổi mới và nhận được sự ủng hộ tích cực của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, phụ huynh và của CBQL, GV, NV trong nhà trường. Qua đó xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường-Gia đình-Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ CSGD trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi, phối kết hợp với cha mẹ trẻ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh-sạch-đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trong năm học nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường; Ban đại diện cha mẹ học sinh các nhóm/lớp. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 4 thành viên (1 trưởng ban, 1 phó ban, 2 ủy viên thường trực); các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp (Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm 3 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên). Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01];

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm học [H4-4.1-01];

Trong năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh đã triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường, của các nhóm/lớp thực hiện có hiệu quả cao [H4-4.1-01].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Nội quy, quy chế của trường, lớp, chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, trẻ hộ nghèo, cận nghèo, chính sách trẻ khuyết tật... [H4-4.1-01]; [1.10-10].

Mức 3

Trong năm học qua Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tuyên truyền, nuôi dưỡng CSGD trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.6-07] ; [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của các nhóm/lớp và của trường được thành lập dưới sự đồng thuận, nhất trí của 100% cha mẹ trẻ và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề

ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc nuôi dưỡng CSGD trẻ, tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, CSVC trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì Ban đại diện cha mẹ trẻ. Chọn những thành viên có tinh thần trách nhiệm và khả năng tuyên truyền với cộng đồng về công tác nuôi dưỡng CSGD trẻ tại trường.	CBQL, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp	Biên bản họp phụ huynh đầu năm của trường, lớp	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tuyên truyền phụ huynh tham gia vào các hoạt động của nhà trường, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, CSVC, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, các khoản xã hội hóa năm học; kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục- xóa mù chữ; kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt; kế hoạch thực hiện Chương trình Tôi yêu Việt Nam; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021- 2025...[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H4-4.2-01].

Trong năm học, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: tuyên truyền qua các buổi họp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày, qua nhóm zalo chung của lớp, qua Website của nhà trường [1.10-10]; [1.1-04].

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn nhân lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, phụ huynh trong việc cải tạo môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học và các hoạt động của trẻ. Trong năm học 2024-2025 nhà trường huy động được hơn 900 số ngày công lao động huy động được; Huy động được kinh phí từ các nguồn lực tổng giá trị là: 158.380.000 VNĐ/ năm (Một trăm năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) từ vận động tài trợ từ phụ huynh, quỹ trò nghèo vùng cao, dự án nuôi em. ...Nhà trường đã huy động và sử dụng đúng các chế độ chính sách cho trẻ theo quy định [H1-1.6-07]; [H4-4.2- 02].

Mức 2:

Trong những năm qua, nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương như: Đoàn thanh niên xã, Chi đoàn thanh niên của trường, để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương như: "Ngày hội bé đến trường"; "Vui tết trung thu"; Giao lưu văn nghệ ngày 20/10... tổ chức cho trẻ tham quan các di tích lịch sử địa phương, danh lam thắng cảnh của Điện Biên [H1-1.2-05]; [1.10-10].

Mức 3:

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trường thường xuyên được đón các đơn vị trường học của các huyện đến tham quan và giao lưu. Trong các năm qua nhà trường được liên đoàn lao động tỉnh Điện Biên công nhận đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa giai đoạn 5 năm (2019- 2023) [1.10-10]; [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo năm học và giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về CSVC trường lớp đáp ứng với yêu cầu nuôi dưỡng CSGD trẻ. Tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục. Trong năm học 2024-2025 nhà trường đã tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phối hợp huy động sự ủng hộ của các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, cá nhân, phụ huynh và các lực lượng xã hội, sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả, đóng góp hơn 900 công lao động trong việc cải tạo môi trường lớp học, ủng hộ, hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Huy động được kinh phí từ các nguồn lực tổng giá trị là:158.380.000 VNĐ/ năm. Phối hợp với các đoàn thể ở địa phương tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương một cách hiệu quả và xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trong các năm qua nhà trường được liên đoàn lao động tỉnh Điện Biên công nhận đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa giai đoạn 5 năm (2019-2023).

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương, tìm kiếm các nguồn hỗ trợ hợp pháp, ban hành các văn bản, thư kêu gọi cá nhân, tổ chức hảo tâm hỗ trợ kinh phí, vật chất cho trẻ.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo.	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục kết nối với kết nối với quỹ trẻ nghèo vùng cao hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 136 trẻ của nhà trường và quỹ nuôi em hỗ trợ cho 31 trẻ.	CBQL, giáo viên, Quỹ trẻ nghèo vùng cao, quỹ nuôi em.	Tờ trình và biên bản thỏa thuận.	Trong năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trong năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển GDMN trên địa bàn xã. Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn tham gia đóng góp các nguồn lực để tu sửa CSV, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh nhằm đảm bảo các tiêu chí trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II và trường đạt chất lượng giáo dục mức độ 3. Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời thực hiện phát triển chương trình giáo dục đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển

toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ngày một giảm. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 98,5%.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với cơ sở y tế của địa phương thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hằng năm số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN là 100%.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, căn cứ tình hình thực tế của nhóm, lớp, nhà trường đã thành lập hội đồng xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường. Trên cơ sở đó các giáo viên các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp mình phụ trách và tổ chức thực hiện kế hoạch chương trình GDMN theo quy định [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02].

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức cho trẻ lớp mẫu giáo làm quen sử dụng phần mềm kidsmart, đưa công nghệ số vào chương trình giáo dục cho trẻ làm quen, lồng ghép "Tăng cường tiếng Việt" trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.1-02].

Trong quá trình thực hiện nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo định kỳ đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và giáo viên các nhóm, lớp điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường [H1-1.4-05]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 2

Nhà trường tổ chức thực hiện đã xây dựng và phát triển chương trình GDMN do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ. 100% các nhóm, lớp tổ chức thực hiện chương trình giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày đảm bảo chất lượng, hiệu quả [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02].

Nhà trường thực hiện phát triển chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, khả năng và nhu cầu của trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ. Triển khai thí điểm tổ chức cho trẻ lớp mẫu giáo làm quen sử dụng phần mềm kidsmart, đưa công nghệ số vào chương trình giáo dục cho trẻ làm quen, lồng ghép "Tăng cường tiếng Việt" trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và nhiều chuyên đề khác [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02].

Mức 3

Nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch xây dựng dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của trẻ ở các độ tuổi phù hợp với văn hóa dân tộc. Nhà trường đã tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới như: stem/steam, montessori... Tuy nhiên trong quá trình học tập tham khảo để áp dụng thực hiện hiệu quả còn chưa cao [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02].

Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.4-05]; [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, chỉ đạo xây dựng kế hoạch chương trình GDMN phù hợp với địa phương, với tình hình thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức cho trẻ làm quen với phần mềm kidsmart phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Hàng năm nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Trong quá trình áp dụng chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới nhà trường thực hiện hiệu quả còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
---	---------------------------	-------------------------------	----------------------------	-------------------------

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo tổ khối, giáo viên các nhóm lớp nghiêm túc thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Kế hoạch, chỉ đạo, chương trình GDMN	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục tăng cường kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phát triển Chương trình giáo dục mầm non, lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên	Chương trình GDMN; Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác tham khảo, học tập chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới vào tổ chức các hoạt động giáo dục tại nhà trường đạt hiệu quả	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên	Bồi dưỡng chuyên môn, học tập, nghiên cứu các nước trong khu vực	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới giáo dục, vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo các mục tiêu, nội dung giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, đảm bảo phù hợp với mục

tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; [H1-1.5-02]; [H5-5.1-01];

Nhà trường tích cực chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường bố trí các khu vực chơi cho trẻ và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Vườn cổ tích, vườn cây của bé, khu trải nghiệm, khu chợ quê, khu phát triển vận động... [H1-1.1-02]; [1.10-10];

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử, hoạt động lao động. Tuy nhiên việc tổ chức cho trẻ tham quan di tích lịch sử...[H1-1.1-02]; [1.10-10].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường trẻ được trải nghiệm ở thư viện của bé, khu sáng tạo khoa học, nghệ thuật theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu vườn cổ tích, vườn cây của bé, vườn rau, vườn hoa, chơi trò chơi. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, trải nghiệm lễ hội, và rất nhiều các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; [1.10-10]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích trẻ hứng thú như: Thư viện của bé, khu sáng tạo nghệ thuật, công nghệ theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu cổ tích, chăm sóc vườn rau, vườn hoa, chơi trò chơi; tổ chức các ngày lễ ngày hội với nhiều hoạt động phong phú, cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, các hoạt động trải nghiệm. Tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”[1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm/lớp và điều kiện thực tế của địa phương. Tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo sự đa dạng phong phú ở các khu vực chơi cho trẻ, tận dụng, sử dụng các nguyên vật liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ dưới nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ từng độ tuổi.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo Cán bộ quản lý, giáo viên phối hợp với cha mẹ học sinh tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	Ban giám hiệu, giáo viên, cha mẹ học sinh	Kế hoạch phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Huy động hội cha mẹ học sinh, ngân sách nhà nước
Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa, vận động tài trợ để nhà trường có thêm kinh phí tổ chức cho trẻ đi tham quan	Ban giám hiệu, giáo viên, cha mẹ học sinh	Kế hoạch phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Huy động hội cha mẹ học sinh và các nguồn tài trợ khác
Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên để nâng cao việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Yên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa, đo thân nhiệt, kiểm tra sức khỏe tiêm phòng chống chăm sóc sức khỏe răng miệng; phòng, chống tật cong, vẹo cột sống; phòng chống giun sán; bảo đảm an toàn thực phẩm; phòng, chống bạo lực học đường cho trẻ trong nhà trường [1.10-10]; [H5-5.3-01];

Hàng năm nhà trường có 100% trẻ đến nhóm, lớp được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả tính đến thời điểm đánh giá trẻ có cân nặng bình thường 209/214 đạt 97,7% số trẻ có chiều cao bình thường 204/214 đạt 95,3%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 5/214 chiếm 2,3%; Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 10/214 chiếm 4,7%, trẻ thừa cân 2/214 trẻ chiếm 0,93% [H5-5.3-01].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã kiểm tra sức khỏe, cân, đo trẻ và xây dựng kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân ra những biện pháp can thiệp phù hợp như: Thay đổi khẩu phần ăn để có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp, tiến hành cân, đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Tính đến thời điểm đánh giá số trẻ được cải thiện phục hồi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm, số trẻ thấp còi được phục hồi giảm xuống [H5-5.3-02].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ; tuyên truyền thực hiện các chỉ thị, công văn hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh đầu mắt đỏ, cúm, sởi các kênh thông tin điện tử chung như zalo, trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày qua giờ đón trả trẻ [1.1-03]; [1.10-10];

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, thực đơn hàng ngày theo tuần, mùa; số bữa ăn theo quy định; nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [1.10-10]; [H5-5.3-02]; [H1-1.6-02];

Hàng năm 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, được can thiệp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo tỷ lệ calo, giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, do đó hằng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 3

Hàng năm kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ, trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 97,7% trở lên. Năm học 2025-2026 tính đến thời điểm đánh giá: Cân nặng bình thường đạt 95,3%%;

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Yên, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, phối hợp thực hiện các chương

trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, cách phòng chống dịch bệnh, 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 97,7% trở lên. Nhà trường căn cứ kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn 10 trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, 05 trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và 02 trẻ thừa cân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe định kỳ và phòng chống dịch bệnh cho trẻ.	CBQL, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Thanh Yên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, bộ phận nhà bếp.	Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Phối kết hợp có hiệu quả với cha mẹ trẻ tổ chức tốt ăn bán trú cho trẻ, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục tuyên truyền phòng chống dịch bệnh	CBQL, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Thanh Yên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học nhà trường đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp và duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần hằng năm của nhà trường đạt từ 98,5% trở lên, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với Nhà trẻ đạt 93,6% trở lên, Mẫu giáo đạt 98,1% trở lên riêng trẻ 5 tuổi đạt 98,5% trở lên [H1-1.2-05]; [H5-5.1-02].

Hàng năm có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 49 trẻ 5 tuổi đang học chương trình GDMN tại trường [H1-1.2-05]; [H5-5.4-01].

Hàng năm trẻ khuyết tật được học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2

Hàng năm nhà trường luôn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học, tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt từ 98,5% trở lên, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với Nhà trẻ đạt 93,6% trở lên, Mẫu giáo đạt 98,1% trở lên riêng trẻ 5 tuổi đạt 98,5% trở lên. Một số lớp tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần chưa cao do trẻ ốm sốt vào những ngày thời tiết thay đổi chuyển mùa [H1-1.2-05]; [H5-5.1-02].

Qua các năm trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 49 trẻ 5 tuổi đang học chương trình GDMN tại trường [H1-1.2-05]; [H5-5.4-01];

Hàng năm trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85% [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 3:

Hàng năm học số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-01];

Hàng năm trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85% [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98,5% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 98,1% trở lên trẻ nhà trẻ đạt từ 93,6% trở lên. Nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non. Năm 2025-2026 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật (dạng khuyết tật khác) học hoà nhập, 100% trẻ khuyết tật được đánh giá có tiến bộ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần (Đặc biệt đối với trẻ dưới 5 tuổi), duy trì tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình GDMN.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Quyết định giao biên chế số lớp.	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo	Không
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ hạ xuống thấp, thời điểm xảy ra dịch bệnh.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Sổ theo dõi trẻ	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình GDMN bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Xây dựng và khai thác hiệu quả môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, hát dân ca, ca dao, đồng dao mang tính địa phương. Có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ, do đó kết quả nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên. Hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi đi học được công nhận hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non.

Năm học 2025-2026 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật (dạng khuyết tật khác) học hoà nhập được đánh giá có tiến bộ.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình GDMN, các CBQL, giáo viên cốt cán đã áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới như phương pháp dạy học STEM/STEAM để xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.0-01]; Chương trình giáo dục đã góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp khả năng nhận thức của trẻ em và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ.

3. Điểm yếu: Việc vận dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục áp dụng có hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới như STEM/STEAM xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường, tổ chức các	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn CBQL, giáo viên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.				
Tạo điều kiện cho CBQL, giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng kiến thức về phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước để áp dụng vào thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch học tập bồi dưỡng	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tập trung vào áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; Đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó ít nhất 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên, cụ thể: Năm học 2020-2021: mức tốt 9/19 đạt 47,3%, mức khá 10/19 đạt 52,7%; năm học 2021-2022: mức tốt 11/18 đạt 61,1%, mức khá 7/18 đạt 38,9%; năm học 2022-2023: mức tốt 10/20 đạt 50%, khá 10/20 đạt 50%; năm học 2023-2024 mức tốt 9/20 đạt 45%, khá 11/20 đạt 55%; năm học 2024-2025 mức tốt 10/19 đạt 52,6%, khá 9/19 đạt 47,4% [H2-2.2-02].

Hàng năm, nhà trường luôn tổ chức cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi từ cấp trường trở lên là 18/19 giáo viên đạt 94,7%, trong đó: Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 1/19 đạt 5,2%; giáo viên dạy giỏi cấp huyện 6/19 đạt 31,5%; giáo viên dạy giỏi cấp trường 18/19 đạt 97,7%; tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn là 18/19 giáo viên đạt

97,7%. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 97,7%. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu:

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên của nhà trường được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức tốt mới đạt từ 47,3%% trở lên, có 01 năm đạt 61,1%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	CBQL, giáo viên.	Luật Giáo dục năm 2019	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Đổi mới nội dung và hình thức bồi dưỡng nâng chuẩn nghề nghiệp GVMN.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục tổ chức tốt hội thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định	CBQL, giáo viên.	Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tăng cường bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở các nhóm lớp với nhiều hình	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch bồi dưỡng chuyên	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
thức các khác nhau: Cấp tổ, cấp trường; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng về phương pháp giáo dục tiên tiến hiện nay	viên cốt cán	môn cho giáo viên; kế hoạch tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp trường	theo	

Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích 1.250,4 m² bình quân 5,1m²/trẻ gồm sân chơi chung với diện tích 844,2 m² (bình quân 3,4 m²/trẻ) và sân vườn cho trẻ trồng trọt, chăm sóc với diện tích 1.331,5m² (bình quân 4,1m²/trẻ), khu trải nghiệm, sân khấu ngoài trời được trải thảm cỏ và sử dụng để tổ chức các trò chơi vận động và các hoạt động trải nghiệm giáo dục đa dạng phong phú: Thư viện thân thiện, khu vui chơi trải nghiệm giao thông, khu trải nghiệm nghệ thuật, khoa học theo STEM/STEAM, có bể cát nước, đường chạy cho trẻ vận động... Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường có vườn cây có nhiều loại cây rau, hoa quả phong phú, quy hoạch khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ chăm sóc khám phá [H3-3.1-01]. Trẻ được tham gia trồng, chăm sóc cây và thu hoạch rau, quả có đủ đồ dùng đồ chơi trang thiết bị cho trẻ hoạt động và được sắp xếp khoa học phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [1.6-03].

2. Điểm mạnh

Trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi đạt chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế Trường Mầm non, các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi trang thiết bị theo quy định đảm bảo an toàn và tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thực lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp trên và đổi mới công tác xã hội hoá giáo dục trang cấp thêm đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện	CBQL, giáo viên	Tờ trình tham mưu; Kế hoạch vận động tài trợ	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	100.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố có 27/28 phòng đạt 96,4% và bán kiên cố 1/28 phòng chiếm 3,6% (nhà trường còn 01 nhà kho xây dựng bán kiên cố) các khối phòng nuôi dưỡng CSGD, phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Nhà trường có phòng và khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em nhưng chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý [3.2-01]; [3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính quản trị; phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ và khối phòng phụ trợ. Các khối phòng nuôi dưỡng CSGD, phòng hành chính quản trị, phòng phụ trợ có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ. Có phòng và khu vực riêng để phát triển vận động cho trẻ với đầy đủ các đồ dùng dụng cụ.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 01 nhà kho xây dựng bán kiên cố, chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có khu vực tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực	Điều kiện để thực	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
--	-----------------	--------------------------	----------------------------	-------------------------

	thực hiện	hiện		
Tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2025 và những năm học tiếp theo	100.000.000 đồng.
Tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT đầu tư kinh phí để xây dựng kiên cố nhà kho	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Giai đoạn 2024-2030	100.000.000 đồng
Tham mưu với chính quyền địa phương mở rộng diện tích đất xây dựng phòng tư vấn tâm lý và sân để tổ chức hoạt động thể thao cho trẻ	CBQL	Tờ trình.	Năm 2025 và các năm học tiếp theo	1.000.000.000 đồng
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHHGD.	Năm 2025 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường về quy mô trường lớp, cơ sở vật chất, nhà trường có 27/28 phòng đạt 96,4% kiên cố, còn 01 phòng kho bán kiên cố đạt 3,6%; phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác xã hội hóa huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường, các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương, đảm bảo tính khả thi. Trong 5 năm liên tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường liên tục hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-

2025) trong đó 01 năm được sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên tặng giấy khen; 04 năm được UBND huyện tặng giấy khen [H1-1.2-02].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm liên tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 1 năm học liên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được tặng bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên.

3. Điểm yếu: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, cụ thể: Nhà trường vẫn còn 1/28 phòng xây bán kiên cố chiếm tỷ lệ 3,6%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác tham mưu xây dựng lớp học và đổi mới công tác XHH GD huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhà trường về cơ sở vật chất, trang thiết bị giúp nhà trường hoàn thiện các mục tiêu đã đưa ra theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch XHH GD	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	800.000.000đ
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	CBQL, GV, NV	Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn)	Từ năm học 2025-2026 đến năm 2029-2030	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện

kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận. Cụ thể: năm học 2021-2022 nhà trường sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên tặng giấy khen [H1-1.2-01].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận là trường tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua, luôn đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập được sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên tặng giấy khen.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhận thức lực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng các giải pháp sáng tạo để đạt và vượt các chỉ tiêu, mục tiêu trong các năm học.	CBQL, GV, NV trong nhà trường	Sáng kiến	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
Làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương cũng như lãnh đạo cấp trên để thực hiện tốt các chỉ tiêu, mục tiêu nhà trường đặt ra.	CBQL	Tờ trình	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
Phát huy vai trò của cha mẹ trẻ em trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục	CBQL, GV, NV trong nhà trường, phụ huynh, trẻ	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch hoạt động ban đại diện cha mẹ trẻ em	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
CBQL, GV, NV tập trung huy động nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ đạt kết quả giáo dục vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng	CBQL, GV, NV	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch vận động tài trợ	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Mức 4:

Nhà trường đã áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù

hợp với bối cảnh của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, tính đến thời điểm đánh giá có 100 % giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên.

Trường có sân vườn và khu vực cho trẻ chơi, các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi trang thiết bị theo quy định đảm bảo an toàn và tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường có đủ khối phòng hành chính, phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ và khối phòng phụ trợ. Các khối phòng nuôi dưỡng CSGD phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ.

Tính đến thời điểm đánh giá cơ bản nhà trường hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Trong 5 năm học liên tiếp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ; có 01 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận, có 01 năm học được tặng giấy khen của sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên.

Tuy nhiên, việc vận dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới hiệu quả chưa cao. Tỷ lệ giáo viên của nhà trường được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức tốt mới đạt từ 31,6%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường vẫn còn 1/28 phòng xây bán kiên cố chiếm tỷ lệ 3,6%, chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ, nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý.

- *Tổng số tiêu chí của mức 4: 6 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/6 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 3/6 tiêu chí*

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2021-2022 đến nay, Trường Mầm non số 2 Thanh Yên luôn duy trì, củng cố và nâng cao các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Nhiều năm liền tập thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến và được UBND tỉnh Điện Biên tặng giấy khen. Nhà trường không ngừng phát triển ổn định, bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường hằng năm đều được được đầu tư, bổ sung thường xuyên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ ngày càng cao, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh-sạch-đẹp-an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. Có 100% cán bộ, giáo viên nhà trường đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Chất lượng CSGD trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đều đạt kết quả cao trên 98%, trong đó có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Nhà trường luôn tích cực đổi mới công tác XHH GD phù hợp với địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Tích cực tham mưu với cấp trên hỗ trợ kinh phí tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương, các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi. Những năm học qua nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học và nhận được nhiều giấy khen của UBND tỉnh, giấy khen UBND huyện và LĐLĐ huyện.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở GD&ĐT, Đảng uỷ chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, trẻ, phụ huynh của nhà trường. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình 5 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng CSGD trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá Trường Mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 22/22 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 21/21 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 15/15 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 4

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/6 tiêu chí đạt 50%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 3/6 đạt 50%

*** Trường Mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với Trường Mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với Trường Mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, Trường Mầm non số 2 Thanh Yên xã Thanh Yên đạt mức 3.

Trường Mầm non số 2 Thanh Yên đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Phần IV. PHỤ LỤC

(Có danh mục mã hóa minh chứng kèm theo)

Thanh Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Lan